



TOÀN CẦU HÓA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Nguồn: Charles W. Kegley, JR. & Gregory A. Raymond, *The Global Future: A Brief Introduction to World Politics* (Chapter 11), (Boston, MA: Wadsworth, 2010)

Biên dịch: Phạm Thị Trang | **Hiệu đính:** Nguyễn Hoàng Mỹ Phương

Cấu trúc chương

Toàn cầu hóa là gì?

Kỷ nguyên thông tin toàn cầu

Toàn cầu hóa hay Mỹ hóa?

Kinh tế học của Toàn cầu hóa

Toàn cầu hoá Thương mại

Toàn cầu hoá Tài chính

ỨNG DỤNG: *Thị trường và Sự tương thuộc về kinh tế*

Những thách thức của một thế giới không biên giới

Chính trị về môi trường toàn cầu

Y tế toàn cầu

Di cư toàn cầu

Quản trị toàn cầu hay Bước thụt lùi?

TRANH LUẬN: *Liệu toàn cầu hóa có nghĩa là sự kết thúc của kỷ nguyên quốc gia - dân tộc không?*

Thế kỷ 21 đã và đang chứng kiến một thế giới gắn chặt vào nhau hơn bất cứ lúc nào trong lịch sử nhân loại.

Barack Obama – Tổng thống Hoa Kỳ

Vào đầu mùa hè năm 2004, Tập đoàn Zilog đóng cửa các cơ sở sản xuất của mình ở phía tây nam Idaho sau một phần tư thế kỷ hoạt động. Đặt trụ sở tại San Jose, California, Zilog tập trung vào phân khúc thiết bị vi logic của thị trường chip bán dẫn, thiết kế và sản xuất các thiết bị được sử dụng trong bộ điều khiển nhúng. Mặc dù công ty đã có các trung tâm thiết kế tại một số địa điểm nhưng cơ sở tại Idaho

là nơi duy nhất đặt các nhà máy sản xuất của công ty. Việc đóng cửa nhà máy đã khiến 150 công nhân thất nghiệp. Theo đại diện công ty, mục đích là để biến Zilog thành một công ty bán dẫn "phi chế tạo", tức là Zilog sẽ tiếp tục thiết kế vi điều khiển, nhưng sẽ ký hợp đồng với các công ty ở châu Á để chế tạo chúng (*Idaho Statesman*, ngày 20/6/2004, B2).

Hành động của Zilog đã được một số công ty ở tây nam Idaho làm theo trong vài năm sau. Vào mùa thu năm 2007, Tập đoàn Công nghệ Micron - tập đoàn tạo ra bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên động (DRAM) cho các máy tính và bộ nhớ flash của các thiết bị kỹ thuật số cỡ nhỏ - đã sa thải hơn 1.100 công nhân ở các cơ sở khác nhau trong thung lũng Boise. Theo giám đốc điều hành, công ty đã chuyển một vài phần thuộc quy trình sản xuất của mình sang Trung Quốc trong nỗ lực giảm chi phí hoạt động (*Idaho Statesman*, ngày 20/10/2007, B1). Một năm sau đó, SuperValu – công ty có trụ sở đặt tại thành phố Minneapolis đứng đầu trong ngành công nghiệp bán lẻ hàng tiêu dùng - thông báo rằng 80 nhân viên trong văn phòng tài chính Boise sẽ bị sa thải vì các hoạt động quản lý tài sản của công ty đang được chuyển đến Ấn Độ (*Idaho Statesman*, ngày 11/06/2008, B1).

Những quyết định của Zilog, Micron và SuperValu là ví dụ của hoạt động thuê ngoài quốc tế – nghĩa là chuyển một chức năng kinh doanh nào đó cho nhà cung cấp nước ngoài thực hiện (Drezner 2004). Hơn 3,3 triệu việc làm ở Mỹ dự đoán sẽ bị mất vào tay của hoạt động thuê ngoài quốc tế vào năm 2015 và 14 triệu (11% trong tổng số việc làm của Mỹ) được xác định là có nguy cơ đưa ra nước ngoài (*Time*, ngày 01/03/2004, 33). Ngoài ảnh hưởng đến công ăn việc làm trong lĩnh vực sản xuất, thuê ngoài quốc tế cũng có tác động đến các lĩnh vực công nghệ thông tin, quản lý tài liệu và dịch vụ khách hàng. Lĩnh vực giáo dục gần đây cũng bị ảnh hưởng. Điển hình như Ấn Độ hiện nay có ngành gia sư điện tử đáng giá 10 triệu USD, trong đó các công ty như Educomp Solutions (New Delhi), TutorVista (Bangalore) và Growing Stars (Cochin) cung cấp hỗ trợ trực tuyến giá rẻ cho sinh viên đại học và trung học ở Mỹ, chủ yếu là về toán học và khoa học. Với một số lượng cực kỳ lớn các nhà hóa học và kỹ sư nói được tiếng Anh và chi phí theo ngân hàng đầu tư Goldman Sachs ước tính là bằng một phần tám của phương Tây (*Economist*, ngày 04/02/2006, 58), Ấn Độ đã sẵn sàng đóng một vai trò lớn hơn trong nghiên cứu và phát triển nước ngoài - một thị trường dự kiến sẽ tăng đến 12 tỷ USD.

Nhưng không phải chỉ mình Ấn Độ được hưởng lợi từ những công việc được chuyển ra nước ngoài từ các nước có mức lương cao. Công ty CompuPacific International tại Tây An, Trung Quốc xử lý các chứng từ y tế, đơn vay nợ và các

giấy tờ tương tự cho các công ty Mỹ. Tập đoàn Công nghệ Seagate có phòng thí nghiệm nghiên cứu ở Pittsburgh và đã thuê các nhà khoa học ở Singapore thực hiện một số nghiên cứu cho họ (*New York Times*, ngày 20/04/2008, 5). Hơn nữa, liên quan đến những gì đã được gọi là "nearshoring" (*hoạt động dịch vụ tìm nguồn cung ứng ở nước ngoài có mức lương thấp hơn mà tương đối gần về khoảng cách hoặc múi giờ, hoặc cả hai - ND*), Estonia, Bulgaria, và các quốc gia hậu cộng sản khác – những nơi mà tiền lương có thể bằng một nửa con số được trả ở châu Âu - cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và các trung tâm dịch vụ khách hàng (call-centers) cho các công ty ở các nước lân cận.

Mặc dù người tiêu dùng Mỹ có thể được hưởng giá thấp hơn và các nhà đầu tư có thể thấy sự gia tăng giá trị cổ phiếu mà họ nắm giữ tại các công ty thuê ngoài chức năng kinh doanh cho các nhà cung cấp nước ngoài, một số người cũng lo lắng rằng toàn cầu hóa đang gây ra một "cuộc chạy đua tới đáy" khi mà các tập đoàn ngày càng chuyển hoạt động sang các nước có mức lương thấp hơn, phúc lợi ít hơn và ít các quy định của chính phủ hơn. Lo ngại về sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp (ngay cả trong các ngành công nghệ cao từng được cho là miễn nhiễm với cạnh tranh từ lao động chi phí thấp nước ngoài), các nhà phản đối hoạt động gia công nước ngoài kịch liệt lên án các giám đốc điều hành công ty khi "xuất khẩu" công ăn việc làm của Mỹ.

Tuy nhiên, cùng với lúc mà việc làm tại Mỹ đang chuyển ra nước ngoài, công việc mới cũng đến khi các công ty nước ngoài thuê một số công việc tại Hoa Kỳ. Theo Cục Thống kê Lao động, số lượng các công việc này đã tăng từ 2,5 triệu năm 1983 đến 6,5 triệu USD trong năm 2000. Khi nhu cầu về dịch vụ trên toàn thế giới gia tăng, lương của lao động dịch vụ ở một số nước Đông bán cầu dự kiến sẽ tăng, khiến việc thuê ngoài của các công ty Hoa Kỳ kém hấp dẫn hơn về mặt chi phí, đồng thời khiến các công ty nước ngoài có nhiều khả năng xem xét chuyển một số công việc của họ sang Hoa Kỳ. Ví dụ vào năm 2007, Wipro - một công ty Ấn Độ - đàm phán thỏa thuận với một số thành phố ở Hoa Kỳ để thành lập trung tâm phát triển phần mềm.

Điều gì đang diễn ra trên thế giới? Câu trả lời chính là **toàn cầu hóa**.¹ Tiền tệ, hàng hoá, con người và thông tin đang được chuyển xuyên qua biên giới quốc gia với một tốc độ nhanh chóng, kết nối các xã hội theo những cách làm biến chuyển cả nền chính trị thế giới. Tính liên kết này tạo ra cả cơ hội và thách thức. Một mặt, toàn cầu hóa đang tạo ra một mức độ của cải chưa từng có khi nhiều

¹ Globalization: một tập hợp các quy trình giúp mở rộng, tăng cường và đẩy nhanh tốc độ kết nối lẫn nhau giữa các xã hội.

doanh nghiệp tinh giản hóa quy trình hoạt động và tìm ra thị trường mới ở nước ngoài cho sản phẩm của họ. Mặt khác, căng thẳng xã hội cực kỳ lớn đang diễn ra khi những người lao động mất việc không thể tìm lại được thu nhập bị mất của họ, ngay cả khi họ được đào tạo lại trong một ngành nghề khác hay di chuyển đến địa điểm khác. Và do đó, thật dễ hiểu là tại sao những tác động của toàn cầu hóa lại gây ra nhiều tranh cãi.

"Chúng ta được sinh ra trong một thế giới sẽ sớm chấm dứt sự tồn tại của nó," nhà báo người Đức Gabor Steingart dự đoán (2008, 4). Do toàn cầu hóa, thế giới cũ trong thời thơ ấu của chúng ta "đang biến mất vào trong sương mù của lịch sử, trong khi một thế giới mới chỉ đang bắt đầu hình thành." Trong chương này, chúng ta sẽ nghiên cứu các lực đa dạng đang dẫn dắt quá trình toàn cầu hóa. Cụ thể là chúng ta sẽ xem xét sự phát triển của liên lạc viễn thông toàn cầu, khả năng lưu chuyển vốn, lao động, hàng hóa, dịch vụ tăng lên và sự gia tăng các vấn đề mới xuyên quốc gia. Khi xem xét những vấn đề này, điều quan trọng là suy nghĩ về khả năng tiếp tục tồn tại các quốc gia như là các chủ thể có chủ quyền và độc lập. Nhưng trước khi xem xét hệ quả của toàn cầu hóa, chúng ta phải tìm hiểu những nguyên nhân của nó trước.



Công việc offshoring Một trong những điều phản đối trước tiên về toàn cầu hóa là nó đã dẫn đến sự di chuyển các công việc thâm dụng lao động từ các quốc gia Bắc bán cầu đến các nước có mức lương thấp hơn ở Đông và Nam bán cầu. Ví dụ trên đây là lao động Việt Nam sản xuất quần áo thể thao bán cho thị trường châu Âu và Mỹ.

Toàn cầu hóa là gì?

Cho đến thế kỷ 15, hầu hết các nền văn minh vẫn còn tương đối cô lập với nhau. Bị hạn chế bởi các tuyến đường giao thông chậm chạp, tốn kém và nguy hiểm, giao dịch quốc tế có xu hướng xảy ra trong các khu vực khép kín của thế giới. Ngoại trừ việc giao thương không thường xuyên, một vài làn sóng di cư và các cuộc đụng độ thi thoảng với những kẻ xâm lược, tương tác với các dân tộc ở xa là rất hiếm.

Những gì phân biệt giữa nền chính trị thế giới đương đại với thời kỳ trước chính là phạm vi toàn cầu của nó. Các quá trình khác nhau bao gồm mở rộng, tăng cường và thúc đẩy sự liên kết trên toàn thế giới. Trong các quá trình này, thông tin liên lạc nhanh chóng và không giới hạn có lẽ là quan trọng nhất. Thật sự, nhiều người coi nó như là nền tảng của một **ngôi làng toàn cầu**² đang xuất hiện - một phép ẩn dụ được các nhà tương lai học sử dụng để minh họa cho một thế giới không còn biên giới giữa các quốc gia và tất cả mọi người trở thành một cộng đồng duy nhất.

Kỷ nguyên thông tin toàn cầu

Sự suy giảm tầm quan trọng của khoảng cách địa lý - một yếu tố quyết định chi phí thông tin liên lạc - đã được mô tả như là lực lượng kinh tế quan trọng nhất trong việc định hình xã hội nửa đầu thế kỷ 21. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến nơi con người sống và làm việc, mà như những người theo chủ nghĩa kiến tạo đã chỉ ra, nó còn có khả năng thay đổi hình ảnh bản sắc cá nhân của con người và ý nghĩa mà họ gán cho khái niệm "cộng đồng".

Công nghệ không dây của điện thoại di động đang lan rộng khắp hành tinh, cho phép ngay cả những cá nhân bị cô lập - những người mà trước kia chưa bao giờ thực hiện một cuộc gọi điện thoại - liên lạc được ngay lập tức với người khác. Chẳng hạn như tin nhắn văn bản đã tạo sức mạnh cho các phong trào chính trị, cho phép mọi người tổ chức các cuộc kháng cự chống lại chính sách mà họ phản đối cũng như thúc đẩy những chính sách mà họ ủng hộ. Những cuộc biểu tình dẫn đến việc lật đổ Tổng thống Philippines Joseph Estrada năm 2001 đã minh họa cho những gì mà một số nhà phân tích gọi là "sức mạnh của con người trong kỷ nguyên di động" ("cellular people power").

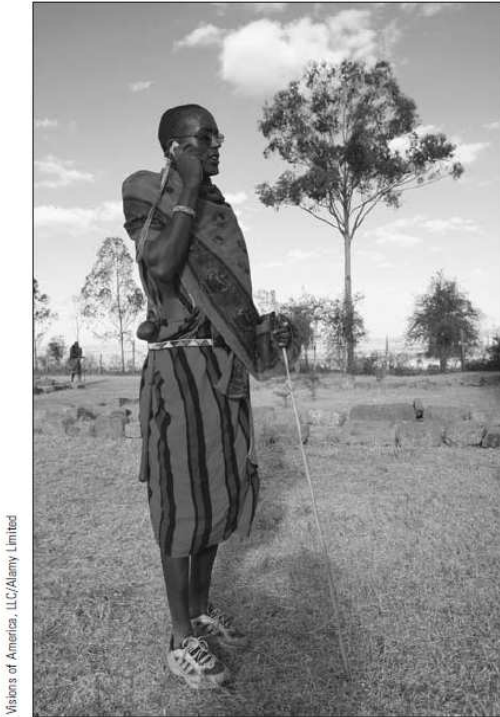
² Global village: một hình ảnh phổ biến được sử dụng để miêu tả sự gia tăng về nhận thức rằng tất cả mọi người đều chia sẻ chung một số phận, bắt nguồn từ quan điểm thế giới là một tổng thể kết nối và phụ thuộc lẫn nhau.

Máy vi tính là một tác nhân hiệu quả khác của truyền thông toàn cầu với việc nhiều người hơn bao giờ hết lên mạng trực tuyến để đọc tin tức, giải trí hoặc tiến hành kinh doanh. Đặc biệt, sự phát triển của các blog đã tạo ra mạng lưới xuyên quốc gia tinh vi với sức mạnh góp phần thiết lập chương trình nghị sự về các vấn đề khác nhau, từ nhân quyền ở Trung Quốc đến cuộc chiến Iraq của Mỹ. Hơn nữa, với sự lan tỏa nhanh chóng của iPod và sự phổ biến cực lớn của podcasting, ngày càng có nhiều người tạo kênh trên web riêng của họ và chia sẻ thông tin âm thanh và hình ảnh với bất cứ người nào trên thế giới đăng nhập vào. Bất cứ ai tiếp cận công nghệ này đều có thể vượt qua các tổ chức thông tấn truyền thống và đưa ra quan điểm cá nhân của mình về các sự kiện đang diễn ra đến người xem toàn cầu. Làn sóng phẫn nộ của người Hồi giáo vào năm 2006 về bức biếm họa của báo chí Đan Mạch châm biếm nhà tiên tri Muhammad đã minh chứng cho sự vận động nhanh chóng con người trên toàn thế giới bởi những hình thức truyền thông toàn cầu mới.

Mặc dù cả thế giới đang được kết nối nhưng điều này lại đang diễn ra với các mức độ khác nhau: Chỉ có một phần năm người dùng Internet sống ở Nam bán cầu. Hơn nữa, Internet đã không giúp mọi người thoát khỏi sự phụ thuộc vào công nghệ ở Bắc bán cầu - nơi đặt địa điểm quản lý của hầu hết các trang web. Vì vậy, ngay cả khi Internet đã tạo cơ hội cho những ý tưởng và thông tin lan truyền khắp thế giới thì nó cũng đóng góp vào nguồn lực "quyền lực mềm" của các quốc gia Bắc bán cầu. Điều này đặc biệt rõ ràng với thương mại điện tử toàn cầu. Khoảng ba phần tư tất cả hoạt động thương mại điện tử hiện đang diễn ra ở Mỹ - nơi tạo ra 90% số các trang web thương mại. Với vị trí trung tâm của Hoa Kỳ trong không gian mạng, một câu hỏi được đặt ra bởi phần còn lại của thế giới là liệu rằng công nghệ và thông tin đỉnh cao của Mỹ sẽ cho phép nó thống trị tương lai toàn cầu hay không.

Mặc dù một số người nhìn nhận cuộc cách mạng thông tin liên lạc là một yếu tố bình đẳng hóa, giúp trao quyền cho các tổ chức phi chính phủ (NGO) để đưa những tiếng nói chưa được quan tâm trước đó vào lực lượng vận động hành lang mới, nhưng các nhà phân tích cảnh báo rằng nó đang làm cho khoảng cách giữa người giàu và người nghèo rộng hơn. Như thể hiện trong Hình 11.1, tình hình sử dụng Internet chủ yếu tập trung ở Bắc bán cầu. Vì thế, ảnh hưởng của nó vẫn không đồng đều, một số quốc gia được hưởng lợi trong khi phần còn lại ở thế cực

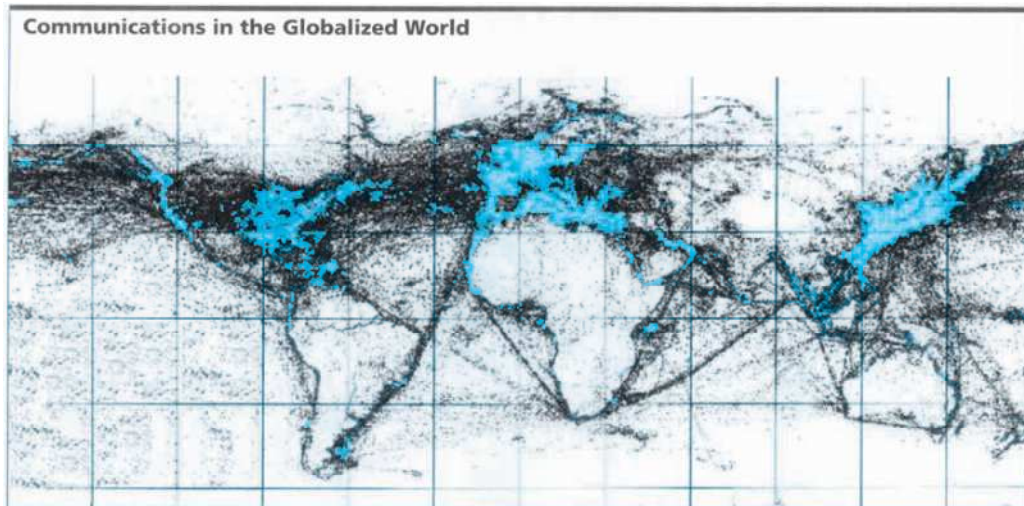
kỳ bất lợi. Kết quả là một **khoảng cách số**³ khổng lồ, nơi một phần ba dân số thế giới không được tiếp cận với công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại.



Thế giới trong tầm tay Cuộc cách mạng viễn thông đã góp phần vào "sự biến mất của khoảng cách" bởi hầu hết phương tiện truyền thông tức thời đều có mặt gần như ở khắp mọi nơi. Ở đây, trong một khu vực xa xôi và hoang vắng phía bắc Kenya, một chiến binh Samburu đang thực hiện cuộc gọi bằng điện thoại di động của mình.

Mặc dù như thế, cuộc cách mạng truyền thông đang tạo cơ hội lớn cho Nam bán cầu, bởi công nghệ thông tin hiện đại có thể cho phép các nước nghèo "nhảy cóc" đến những công nghệ mà các quốc gia Bắc bán cầu đã phải đầu tư rất tốn kém trong quá trình phát triển kinh tế. Chẳng hạn như điện thoại di động giá rẻ trở nên cực kỳ phổ biến và hứa hẹn phát triển ở các quốc gia Nam bán cầu - nơi mà chi phí đường dây nối điện thoại truyền thống giữa các vùng thường là rất đắt. Khi lập trình làm cho các thể hệ phần mềm mới dễ dàng sử dụng hơn, khoảng cách số có thể dần được thu hẹp. Nhưng bởi vì các yếu tố địa lý, kinh tế và xã hội đã làm khoảng cách số rất phức tạp, việc thu hẹp nó sẽ là rất khó khăn. Nhiều công nghệ tiên tiến yêu cầu kết cấu hạ tầng dựa trên các công nghệ có trước kia mà ở Nam bán cầu lại không được phổ biến. Ví dụ như ở các quốc gia không có lưới điện ổn định, công nghệ máy tính sẽ thường không đạt được quy mô toàn thị trường. Ba phần tư các nước có thu nhập thấp có ít hơn 15 máy tính cá nhân trên 1.000 người, so với 862 ở Thụy Sĩ và 761 ở Thụy Điển (*Economist*, ngày 09/02/2008, 75). Như thế, Bắc bán cầu hiện nay vẫn là đối tượng hưởng lợi chính của cuộc cách mạng thông tin liên lạc.

³ Digital divide: Khoảng cách giữa những quốc gia có tỉ lệ cao và thấp về người dùng internet và máy chủ.



Hình 11.1 Khoảng cách số

Hình ảnh trên thể hiện mật độ của dòng chảy truyền thông quốc tế qua khắp thế giới, cho thấy sự phân chia nổi bật giữa "những người sở hữu" công nghệ ở Bắc bán cầu và "những người vô sản" công nghệ ở Nam bán cầu. Mặc dù có sự phát triển gần đây trong việc sử dụng Internet ở các vùng Nam bán cầu, một số khu vực vẫn còn tụt hậu xa. Ví dụ trong năm 2007, chỉ có 4% người châu Phi có kết nối Internet và họ phải trả số tiền cao nhất trên thế giới cho tốc độ kết nối chậm nhất thế giới.

NGUỒN: Dòng chảy công nghệ toàn cầu, Flanagan, Frost và Kugler (2001, 24).

Toàn cầu hóa hay Mỹ hóa?

Thời đại của chúng ta thường được mô tả là thời đại thông tin, nhưng một phần đáng kể thông tin chúng ta nhận được bị kiểm soát bởi một số tập đoàn lớn: AOL Time Warner, Disney, General Electric, News Corporation, Viacom (Mỹ), Viendi (Pháp), Sony (Nhật Bản) và Berstelsmann (Đức) tại các quốc gia Bắc bán cầu. Một số người lo lắng rằng khi các nguồn phương tiện truyền thông trên thế giới được sáp nhập thành các đơn vị lớn hơn bao giờ hết, sẽ có ngày càng ít các công ty đại diện kiểm soát những gì mọi người nghe và nhìn về thế giới xung quanh. Mặc dù có sẵn hàng ngàn các nguồn thông tin dồi dào về chính trị, xã hội và văn hóa nhưng ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông nhỏ lẻ như vậy là không đáng kể so với sức ảnh hưởng của các tập đoàn khổng lồ.

Loại quyền lực mà các phương tiện truyền thông có được đối với các vấn đề quốc tế trong thực tế là một loại hình quyền lực cụ thể và bị hạn chế. Nghiên cứu chỉ ra rằng phương tiện truyền thông ảnh hưởng đến những gì mà con người *nghĩ* hơn là những gì mà họ *tin*. Theo cách này, các phương tiện truyền thông có chức năng chủ yếu là thiết lập chương trình nghị sự cho các thảo luận của công chúng về các vấn đề thời sự thay vì quyết định dư luận. Trong quá trình thiết lập

chương trình nghị sự,⁴ các phương tiện truyền thông đã định hình nên chính sách công quốc tế. Ví dụ như nhiều nhà lãnh đạo quốc gia đã phàn nàn về một "hiệu ứng CNN" với khả năng đưa các dịch vụ tin tức cả ngày lẫn đêm làm nổi bật một số vấn đề bằng cách phát các hình ảnh cảm động về nạn đói, tội ác và những thảm cảnh khác của con người tới hàng triệu người xem trên toàn thế giới. Khi được kết hợp với việc sử dụng thư điện tử của các nhà hoạt động cấp cơ sở để vận động nhân dân trên toàn thế giới một cách nhanh chóng về một vấn đề cụ thể nào đó, các chính phủ có thể thấy rằng họ không thể lờ đi những vấn đề này.



Sự hình thành một nền văn hóa toàn cầu? Một số người coi toàn cầu hóa không gì hơn ngoài sự lây lan các giá trị và niềm tin của Mỹ. Ở đây là một ví dụ chứng minh cho những hình ảnh này - ông già Noel thu hút khách hàng trong trung tâm thành phố Hà Nội, Việt Nam, một quốc gia Phật giáo chủ yếu vẫn đang theo các nguyên tắc cộng sản.

Việc kiểm soát truyền hình và các phương tiện truyền thông khác của Mỹ và một số ít các quốc gia Bắc bán cầu khác trở thành tâm điểm của cuộc bàn luận sôi nổi với Nam bán cầu trong những năm 1980. Không hài lòng với các bản tin truyền thông nhận được từ các cơ quan thông tấn phương Tây, các nhà lãnh đạo ở các nước đang phát triển yêu cầu một Trật tự Thông tin và Truyền thông Thế giới Mới (NWICO). Họ khẳng định dòng chảy hình ảnh và thông tin từ Bắc đến Nam thúc đẩy các giá trị về chủ nghĩa tiêu dùng và tiêu thụ hàng hóa xa xỉ đã làm duy trì sự phụ thuộc của Nam bán cầu vào Bắc bán cầu. Khi cuộc xung đột Bắc - Nam tăng cường, Mỹ giận dữ rút khỏi Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên Hiệp

⁴ Agenda setting: Khả năng ảnh hưởng tới việc vấn đề nào nhận được quan tâm từ các chính phủ và các tổ chức quốc tế bằng cách tăng cường quảng bá về vấn đề đó.

Quốc (UNESCO), một phần nhằm thể hiện sự bác bỏ vai trò của nó trong việc thúc đẩy trật tự thông tin liên lạc mới. (Tuy nhiên, vào tháng 9/2002, trong nỗ lực thu hút sự ủng hộ đa phương cho cuộc chiến tranh phòng ngừa chống lại Iraq, Mỹ tuyên bố tái gia nhập UNESCO).

Trật tự NWICO đã lùi xa khỏi dư luận toàn cầu, nhưng vấn đề "chủ nghĩa đế quốc về văn hóa" vẫn tồn tại khi nhiều người tiếp tục bày tỏ lo ngại về sự tập trung quyền lực truyền thông vào tay của chỉ một vài đối tượng. Khả năng để định hình sự ưa thích của người khác trở nên dễ dàng hơn trong Kỷ nguyên thông tin này. Những người kiểm soát thông tin, cũng như những người kiểm soát sự truy cập thông tin, có lợi thế rõ ràng trong đàm phán quốc tế hơn so với những người mà tầm ảnh hưởng của họ chỉ bao gồm sự đe dọa trừng phạt. Sự phổ biến của mạng lưới Al Jazeera ở Trung Đông cho thấy lợi ích của Nam bán cầu về những lựa chọn thay thế cho các phương tiện truyền thông phương Tây vốn thường được cho là phản ánh một cách thành kiến, không chính xác về những mối quan tâm của Nam bán cầu.

Trái ngược với khẳng định toàn cầu hóa áp đặt bản sắc văn hóa Mỹ lên thế giới là ý kiến cho rằng ảnh hưởng văn hóa đang đi theo nhiều hướng khác nhau. Đó không chỉ là dòng chảy các phương thức và ý tưởng đa dạng từ Nam bán cầu sang Bắc bán cầu, mà còn là nhiều sản phẩm từ Bắc bán cầu được điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu và thị hiếu địa phương. Khoảng 25% siêu thị của Costco hoạt động bên ngoài Hoa Kỳ với dòng sản phẩm được thiết kế phù hợp với thị trường nước ngoài. Tương tự như vậy, sau khi mắc phải các sai lầm văn hóa ở Paris và Hồng Kông, công viên giải trí Disney đã điều chỉnh để thích nghi với điều kiện địa phương. Văn hóa bản địa, theo William Marling (2006), thậm chí đã đặt dấu ấn lên cả thương hiệu McDonald's, vốn có lẽ là một trong những biểu tượng Mỹ hóa dễ thấy nhất trên thế giới. Ví dụ như công thức chế biến gà ở Indonesia cay hơn nhiều so với ở Hoa Kỳ. Các cửa hàng nhượng quyền thương mại của McDonald's bên ngoài nước Mỹ cũng bán các mặt hàng không có trong thực đơn thức ăn nhanh điển hình của Mỹ, bao gồm bia ở Đức, rượu vang ở Pháp, nước sốt cay ở Mexico và vị đậu nành tại Nhật Bản. Các nền văn hóa bản địa theo như Marling là mang sức sống bền bỉ hơn những gì mọi người tưởng tượng. Mặc dù có những lo ngại về sự đồng hóa văn hóa trên hành tinh, nhà phân tích người Anh Philippe Legrain (2003) cho rằng toàn cầu hóa đã tạo ra "sự bùng nổ giao lưu văn hóa" và một "bữa tiệc phong phú của hỗn hợp các nền văn hóa".

Kinh tế học của toàn cầu hóa

Khi quốc gia - dân tộc nổi lên ở Châu Âu thời thế kỉ mười bảy với vai trò là chủ thể chính trên sân khấu thế giới, nhiều nhà lãnh đạo quốc gia đã tìm cách tăng sức mạnh thông qua mở rộng lãnh thổ. Bên cạnh các vùng đất có kim loại quý hoặc các tuyến đường thủy, lãnh thổ có giá nhất trong thời đại mà không có các công cụ làm lạnh như ngày nay là các vùng có vụ mùa ngũ cốc, nguồn lưu trữ thực phẩm dễ dàng vận chuyển với đầy đủ dinh dưỡng cho nông dân cũng như những người khác không tham gia vào nông nghiệp.

Với sự khởi đầu của Cuộc cách mạng Công nghiệp, giá trị của nguồn vốn vật chất (máy móc, thiết bị, nhà xưởng v.v...) tăng lên trong vai trò một yếu tố sản xuất, mặc dù nhu cầu về than đá, quặng sắt, dầu mỏ sau đó vẫn nhấn mạnh tầm quan trọng của đất đai. Chỉ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai thì các quốc gia mới chuyển mỗi quan tâm từ mở rộng lãnh thổ bằng cách chinh phục quân sự sang thương mại quốc tế. Các "quốc gia thương mại" nhận ra rằng hàng hóa sản xuất để xuất khẩu có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Rosecrance 1986). Ngay sau đó họ thấy rằng xuất khẩu là con đường duy nhất dẫn đến sự thịnh vượng, các sản phẩm có thể được thiết kế tại nước mình nhưng được chế tạo ở nước ngoài cho cả thị trường trong và ngoài nước. Thay vì được sản xuất bởi và cho những người sống trong một lãnh thổ duy nhất, hàng hóa và dịch vụ đang ngày càng được sản xuất bởi những người đang làm việc trên các khu vực khác nhau của thế giới cho một thị trường toàn cầu. Chúng ta đang bước vào một thời đại mà sự khác biệt về lãnh thổ truyền thống sẽ không còn quan trọng bằng các kỹ năng tài chính và quản lý để tạo ra các sản phẩm, cung cấp dịch vụ và quản lý của cải toàn cầu (Rosecrane 1999).

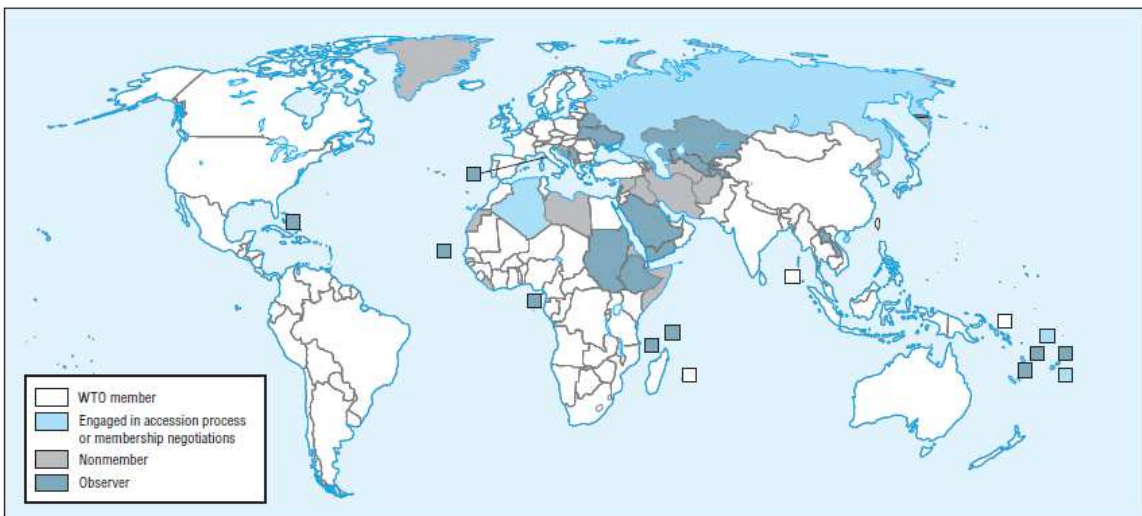
Toàn cầu hóa thương mại

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, những nước chiến thắng trong cuộc chiến kéo dài và tàn phá đó tin rằng họ có thể kích thích tăng trưởng kinh tế bằng cách loại bỏ các rào cản thương mại quốc tế. Ở chương 6 chúng ta đã thấy dưới sự bảo trợ của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT), "Vòng đàm phán Geneva" vào năm 1947 đã làm giảm mức **thuế quan**⁵ xuống 35%. Các vòng đàm phán kế tiếp sau đó vào những năm 1950 và 1960 (Vòng đàm phán Kennedy), những năm 1970 (Vòng đàm phán Tokyo) và những năm 1980 và 1990 (Vòng đàm phán Uruguay) hầu như đã loại bỏ thuế quan đối với hàng hóa sản xuất. Tổ chức

⁵ Tariff: các loại thuế áp đặt lên hàng hóa nhập khẩu bởi các chính phủ.

Thương mại Thế giới (WTO) kế tục GATT vào năm 1994 và mở rộng thành viên (xem Bản đồ 11.1), hiện đang tham gia vào việc giảm các **hàng rào phi thuế quan**⁶ đối với thương mại quốc tế.

Việc giảm mức thuế suất đã làm cho thương mại quốc tế và sản lượng kinh tế thế giới cùng tăng trưởng. Kể từ khi thành lập GATT, kinh tế thế giới đã tăng trưởng gấp sáu lần, trong đó thương mại đã tăng hai mươi lần (Samuelson 2006). Tác động của sự gia tăng khối lượng hàng hóa được vận chuyển từ nước này sang nước khác là rất lớn, làm cho thương mại trở nên ngày càng quan trọng hơn đối với tất cả các nước.



BẢN ĐỒ 11.1 Tổ chức Thương mại Thế giới vươn khắp toàn cầu

Vào đầu năm 2008, tới 151 quốc gia hay 70% các quốc gia trên thế giới là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới. Ngoài ra, còn có ba mươi "quan sát viên" đang trong quá trình đàm phán để trở thành thành viên chính thức. Nếu và khi các quốc gia này gia nhập, khối lượng thương mại quốc tế dự kiến sẽ tăng lên, góp phần hơn nữa vào sự hội nhập của thị trường thế giới.

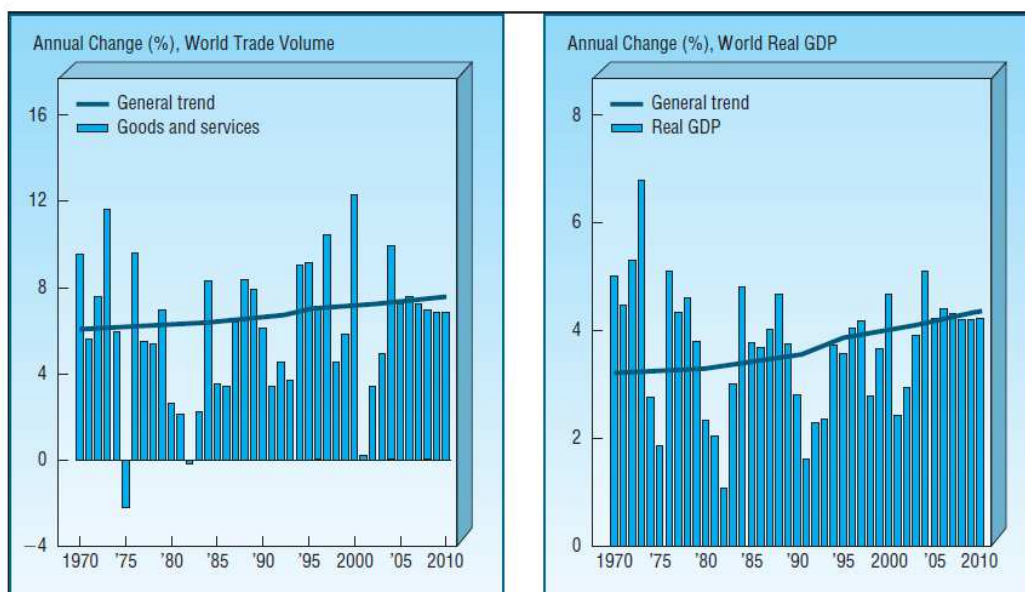
NGUỒN: Tổ chức Thương mại Thế giới.

Hội nhập thương mại⁷ là thước đo mức độ thương mại thế giới tăng trưởng nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội toàn cầu. Khi hội nhập thương mại phát triển thì toàn cầu hóa cũng phát triển, bởi vì sự tương thuộc giữa các nhà nước tăng lên khi lượng xuất khẩu của các nước chiếm một tỷ lệ phần

⁶ Non-tariff barriers: các hạn chế bởi chính phủ mà không liên quan đến thuế, thuế quan để làm tăng chi phí nhập khẩu hàng hoá vào một quốc gia.

⁷ Trade integration: toàn cầu hóa kinh tế được đo lường bằng mức độ mà khối lượng thương mại thế giới tăng nhanh hơn so với tổng sản phẩm quốc nội toàn cầu hợp lại.

trăm ngày càng tăng trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Như Michael Mazarr (1999) giải thích: "Đo lường thương mại toàn cầu bằng tỷ lệ phần trăm của GDP có lẽ biện pháp đơn giản và dễ hiểu nhất cho toàn cầu hóa. Nếu trao đổi sản phẩm và hàng hóa tăng trưởng nhanh hơn so với nền kinh tế thế giới nói chung thì lúc đó kinh tế thế giới sẽ trở nên hội nhập hơn."



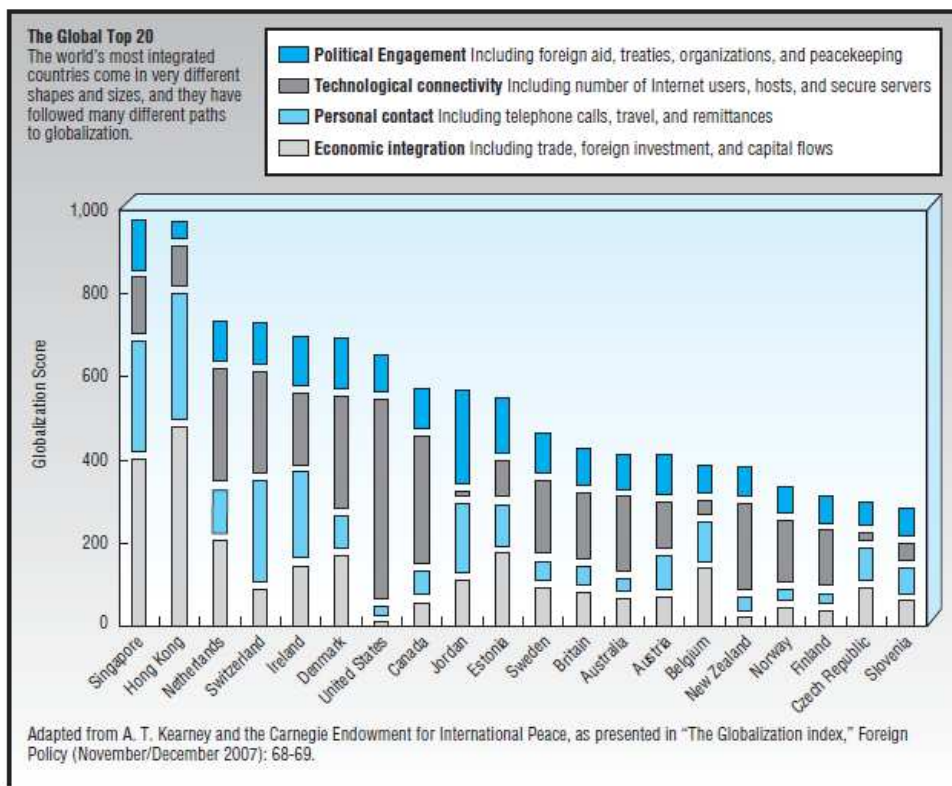
HÌNH 11.2 Sự phát triển của hội nhập thương mại toàn cầu, 1970-2010

Khi tỷ lệ thay đổi phần trăm trong khối lượng thương mại thế giới mỗi năm tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng hàng năm của kinh tế toàn thế giới cộng lại thì "hội nhập thương mại" tăng lên. Sự tăng trưởng thương mại thế giới đến nay đã vượt qua sự tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc nội thực tế của toàn thế giới (world gross product - WGP) và xu hướng tương thuộc thương mại này đã được đẩy mạnh kể từ năm 1970. Hãy so sánh hai xu hướng. Ở hình bên trái, chúng ta thấy tỷ lệ phần trăm thay đổi hàng năm của thương mại thế giới đã tăng trưởng trung bình gần 7% mỗi năm. Ở hình bên phải, tỷ lệ phần trăm thay đổi hàng năm của sản lượng kinh tế thế giới cũng tăng cùng với thương mại thế giới nhưng với tỷ lệ trung bình chỉ bằng một nửa. Hội nhập thương mại đã toàn cầu hóa sự tương thuộc kinh tế bằng cách làm cho các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào việc mở rộng thương mại với các quốc gia khác để tăng trưởng kinh tế.

NGUỒN: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), đường xu hướng từ 2008 đến 2010 theo tính toán của IMF.

Hình 11.2 cho thấy sự tăng nhanh rõ rệt của hội nhập thương mại từ năm 1970. Các quốc gia đã trở nên phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn và thế giới ngày càng toàn cầu hóa bởi tăng trưởng thương mại quốc tế đã vượt xa tăng trưởng kinh tế thế giới (cũng như gia tăng dân số thế giới). Tất nhiên, nền kinh tế của mỗi quốc gia khi hội nhập vào nền kinh tế chính trị toàn cầu thông qua thương mại với những mức độ khác nhau (xem Hình 11.3). Tốc độ hội nhập thương mại ở Nam bán cầu

đã cao hơn Bắc bán cầu, phản ánh sự tham gia ngày càng được cải thiện của Nam bán cầu vốn kém phát triển hơn vào thương mại thế giới và tầm quan trọng ngày càng tăng của nó đối với sự phát triển kinh tế ở Bắc bán cầu. Nam bán cầu không chỉ đóng góp vào thương mại toàn cầu tăng (từ 23% vào năm 1985 đến 28% vào năm 2005) mà thị phần xuất khẩu trên thế giới của các sản phẩm chế tạo cũng tăng (từ 10% năm 1980 lên 27% năm 2005). Trong bối cảnh này, sự tăng trưởng thị phần của các sản phẩm xuất khẩu mới ở Nam bán cầu đặc biệt ấn tượng, tuy nhiên, điều quan trọng cần nhớ là Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Malaysia, Thái Lan và Ấn Độ chiếm gần hai phần ba trong tỷ trọng thương mại xuất khẩu mới này (WDI 2007, 314; WDR 2006, 261-263; HDI 2005, 277).



HÌNH 11.3 Mức độ toàn cầu hóa

Có rất nhiều cách để đo lường mức độ các quốc gia hội nhập toàn cầu hóa. Biểu đồ này đo lường và xếp hạng hai mươi quốc gia có mức độ toàn cầu hóa cao nhất dựa trên chỉ số kết hợp bốn yếu tố sau: sự tham gia chính trị (số lượng thành viên trong các tổ chức quốc tế, các đại sứ quán nước ngoài và các sứ mệnh của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc mà nước đó tham gia), công nghệ (số người sử dụng Internet, máy chủ Internet và các máy chủ bảo mật); liên lạc cá nhân (di chuyển và du lịch quốc tế, đường dây điện thoại quốc tế và chuyển giao xuyên biên giới); và hội nhập kinh tế (thương mại, đầu tư nước ngoài và dòng vốn đầu tư gián tiếp, các khoản thanh toán thu nhập và các khoản thu).

Một mẫu hình tương tự có thể đang xuất hiện trong thương mại dịch vụ. Vì Hoa Kỳ được hưởng lợi thế so sánh trong lĩnh vực này nên nước này đã ủng hộ mạnh mẽ việc đưa dịch vụ vào các quy tắc tự do hóa của WTO. Thương mại dịch vụ đã được mở rộng gấp ba lần kể từ năm 1980 với việc Bắc bán cầu gạt hái hầu hết các lợi ích. Tuy nhiên, sự lan truyền của công nghệ thông tin, phần mềm kinh doanh mới có thể được sử dụng dễ dàng và chi phí tiền lương thấp hơn của các nền kinh tế đang phát triển là một phần trong những lý do tại sao Ngân hàng Thế giới dự đoán rằng các nước đang phát triển sẽ nắm giữ thị phần lớn hơn trong thương mại dịch vụ thế giới trong hai thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI. Các nước ở Nam bán cầu như Ấn Độ với số lượng cực lớn công dân được giáo dục tốt và nói được tiếng Anh đã điều hành các trung tâm cuộc gọi và đường dây nóng hỗ trợ người tiêu dùng cho các công ty có trụ sở tại Bắc bán cầu.

Bán sản phẩm cho một quốc gia khác thường đòi hỏi các công ty thiết lập một chi nhánh đại diện ở nước ngoài để có thể sản xuất hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Theo truyền thống, các hoạt động ở nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia (multinational corporation - MNC) là "các phần phụ" của một trung tâm tập trung hóa. Mô hình hiện nay là tháo gỡ các trung tâm này bằng cách phân tán cơ sở sản xuất trên toàn thế giới, điều này về mặt kinh tế có thể thực hiện được nhờ có những cuộc cách mạng trong thông tin liên lạc và giao thông vận tải (bao gồm cả việc sử dụng các container vận chuyển quốc tế được chuẩn hóa). Hầu hết các công ty lớn bán hàng đang hướng đến thị trường toàn cầu và một tỷ lệ lớn doanh thu của họ được tạo ra từ việc bán hàng ở ngoài quốc gia họ đặt trụ sở. Sự toàn cầu hóa sản xuất này đang chuyển đổi nền kinh tế chính trị quốc tế. Thương mại đã từng được tính bằng dòng chảy hàng hóa giữa các quốc gia và cách tính đó được tiếp tục thực hiện bởi thống kê tài khoản quốc gia vẫn được thu thập với các quốc gia được xem như là đơn vị phân tích. Nhưng hình ảnh đó ngày càng không thể mô tả được thực tế hiện nay. Thực sự là các quốc gia không giao dịch với nhau mà là các tập đoàn. 68.549 công ty đa quốc gia trên thế giới và 582.579 chi nhánh nước ngoài của nó bán khoảng 10 nghìn tỷ đô la hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới mỗi năm (Oatley 2008, 173). Hiện tại các MNC đang đảm trách một phần tư lượng sản xuất thế giới và hai phần ba xuất khẩu thế giới.

Các công ty đa quốc gia nhận ra rằng để xuất khẩu sang nước khác thì đặt cơ sở tại quốc gia đó sẽ là hữu ích. Đặt cơ sở sản xuất và quản lý tại các chi nhánh khu vực của một công ty đa quốc gia sẽ giúp tránh các loại thuế và thuế quan. Ngày nay, khoảng 40% những gì chúng ta gọi là thương mại quốc tế thực tế là liên quan đến giao dịch giữa các chi nhánh qua biên giới của các công ty đa quốc gia,

hay chính là giữa một công ty và các công ty con của nó ở nước ngoài (Oatley 2008, 170).

Bằng cách hình thành **liên minh chiến lược**⁸ với các công ty trong ngành và sáp nhập với nhau, nhiều công ty đa quốc bây giờ cạnh tranh nguồn tài chính với các quốc gia dân tộc. Mạng lưới những công ty này thực sự theo đuổi chiến lược toàn cầu tạo lợi ích tài chính, thường là thông qua các thỏa thuận cung cấp dài hạn và hợp đồng cấp quyền và nhượng quyền thương mại. Khi đưa các dòng tài chính lớn qua biên giới quốc gia, các tập đoàn toàn cầu đang tích hợp các nền kinh tế quốc gia vào một thị trường trên toàn thế giới. Từ năm 1970, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tăng lên gần một trăm lần, trong đó các quốc gia Nam và Đông bán cầu đang là đối tượng tiếp nhận.

Theo một trong số những ý kiến ủng hộ toàn cầu hóa hăng hái nhất, sự hội nhập không ngừng của các nền kinh tế quốc gia vào một thị trường thế giới duy nhất được xem là liều thuốc hiệu lực cho căn bệnh đói nghèo. Tuy vậy, quan điểm như trên là không chính xác. Mặc dù có bằng chứng cho thấy việc mở rộng và phát triển dòng chảy thương mại quốc tế có liên quan đến tăng trưởng kinh tế nhưng những thành tựu này không phân bố đồng nhất. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đã giúp làm giảm nghèo đói ở các nước Đông và Nam bán cầu bằng cách tận dụng lợi thế lao động chi phí thấp của họ để thu hút các công việc chế tạo hàng tiêu chuẩn và lắp ráp thành phẩm. Nhưng các nhà phê phán toàn cầu hóa cho rằng lợi ích tích lũy nhiều hơn cho những người sản xuất ở Bắc bán cầu với các sản phẩm sáng tạo, sử dụng nhiều vốn con người. Thử xét ví dụ iPod của Apple. Mẫu sản phẩm video 30 GB được sản xuất tại Trung Quốc bởi Inventec và bán vào năm 2005 với giá 224 đô la - giá bán buôn. Theo một nghiên cứu, Apple tuyên bố có được khoảng 80 đô la lợi nhuận gộp. Trung Quốc với việc thử nghiệm và lắp ráp 424 linh kiện của iPod, chỉ có được 3,70 đô la bởi các khâu nghiên cứu, phát triển và thiết kế cũng như linh kiện sản phẩm được tạo ra ở một nơi khác (*Economist*, tháng 10/2007, 8). Như *Báo cáo phát triển con người* của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc từng nói: "Cơ hội của sự giàu có khi lên ất sẽ nâng tất cả các tàu thuyền. Nhưng một số có khả năng đi biển hơn những tàu thuyền khác. Các du thuyền và tàu khách vượt đại dương thực sự đang chào đón những cơ hội mới, nhưng các thuyền bè và thuyền chèo vẫn đang vùng vẫy trên mặt nước - và một số thì đang chìm đi nhanh chóng." Toàn cầu hóa thương mại, nói cách khác, là tạo ra kẻ thắng người thua, cả giữa các quốc gia lẫn bên trong quốc gia. Kết quả là một sự phản ứng dữ dội chống lại

⁸ Strategic corporate alliances: sự hợp tác giữa các MNC và các công ty nước ngoài cùng lĩnh vực kinh doanh, được thúc đẩy bởi việc dịch chuyển sản xuất của các MNC ra nước ngoài.

những bất bình đẳng đang dấy lên trong nhóm người mà họ thấy bản thân mình là nạn nhân của một thế giới thương mại hội nhập (Broad 2002; Aaronson 2002).

Toàn cầu hóa tài chính

Tài chính thể hiện một khía cạnh quan trọng khác của toàn cầu hóa kinh tế. Nó bao gồm "tất cả các loại giao dịch thuộc danh mục đầu tư qua biên giới - vay và cho vay, kinh doanh tiền tệ hoặc các chứng từ tiền tệ khác và cung cấp dịch vụ ngân hàng thương mại hoặc các loại dịch vụ tài chính khác. Nó cũng bao gồm các dòng vốn liên quan đầu tư trực tiếp nước ngoài - giao dịch liên quan đến việc kiểm soát các doanh nghiệp sản xuất" (B. Cohen 1996). Bằng chứng về toàn cầu hóa tài chính nhiều vô kể. Kể từ Chiến tranh thế giới lần thứ hai, khối lượng các dòng vốn xuyên biên giới đã tăng lên đáng kể và bây giờ vượt xa khối lượng thương mại. Tương tự như vậy, các giao dịch trái phiếu và cổ phiếu qua biên giới đã tăng với một tốc độ đáng kinh ngạc hơn hai mươi năm qua. Vào giữa những năm 1990, một dấu hiệu khác của mở rộng các thị trường vốn toàn cầu được thể hiện bằng việc thị trường vốn đã tăng gấp đôi tỷ lệ tăng GDP toàn cầu, được thúc đẩy một phần là do sự bùng nổ giao dịch của các quỹ đầu cơ trên toàn thế giới, đạt 69,8 nghìn tỷ đô la trong năm 2007 (*Economist*, ngày 26/5/2007, 75).

Bằng chứng rõ hơn về toàn cầu hóa tài chính có thể thấy trong sự gia tăng gần đây doanh thu hàng ngày của thị trường ngoại hối. Có nhiều ngày những người kinh doanh tiền tệ tư nhân có thể giao dịch đến 2 nghìn tỷ đô la để kiếm lợi nhuận thông qua **kinh doanh chênh lệch giá**⁹ dựa trên thay đổi nhỏ trong giá trị của đồng tiền quốc gia. Các thị trường được kết nối như vậy đòi hỏi hơn bao giờ hết một hệ thống tiền tệ đáng tin cậy để tiến hành kinh doanh qua biên giới trong khi đối mặt với một loạt các biến động tiền tệ quốc gia. Doanh thu hàng ngày trên thị trường tiền tệ thường lớn hơn so với các nguồn vốn dự trữ ngoại hối chính thức toàn cầu và thực tế đã loại bỏ khả năng các ngân hàng trung ương chính phủ ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái bằng cách mua và bán tiền tệ trong những thị trường này. Toàn cầu hóa đã làm mất đi quyền kiểm soát giá trị đồng tiền của các quốc gia trên thị trường quốc tế mà trước kia họ có thể làm. Việc chính phủ Mỹ bất lực không thể nâng giá đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc so với đồng USD từ năm 2005 đến năm 2008 (để giảm thâm hụt cán cân thương mại khủng khiếp của Mỹ)

⁹ Arbitrage: việc bán một đồng tiền (hoặc sản phẩm) và mua lại của người khác để thu được lợi nhuận dựa trên thay đổi tỷ giá hối đoái; những người kinh doanh chênh lệch này ("arbitraders") giúp giữ các loại đồng tiền của các quốc gia trong trạng thái cân bằng thông qua nỗ lực đầu cơ mua số lượng lớn các đồng tiền mất giá và bán chúng ở các nước có giá trị cao hơn.

cho thấy sự thất bại của các chính phủ trong việc điều chỉnh tỉ giá hối đoái đồng tiền nước mình.

Khi giá trị thị trường của các giao dịch cổ phiếu tăng gấp năm lần từ năm 1980 đến năm 2008, việc tăng hay giảm trong thị trường chứng khoán của bất kỳ một quốc gia nào ngay lập tức bắt đầu gây ra những thay đổi tương tự trong chỉ số cổ phiếu của các quốc gia khác (xem Áp dụng: Thị trường và Sự tương thuộc về kinh tế). "Phái sinh" là một công cụ để quản trị rủi ro bằng cách kết hợp đầu cơ "các quyền chọn - options" và "hợp đồng kỳ hạn - futures" để phòng vệ trước những biến động trong thị trường tài chính. Đó là những hợp đồng tài chính phức tạp có giá trị được xác định từ giá hoặc tỷ giá của các loại chứng khoán khác nhưng không cần phải thực sự mua cổ phiếu hoặc trái phiếu. Trong những năm trước khủng hoảng tài chính 2008, các công cụ phái sinh chiếm đến hàng nghìn tỷ đô la trong các giao dịch xuyên biên giới và được đánh giá là một thị trường tài chính toàn cầu hóa nhất thế giới. Giao dịch trực tuyến tự động áp dụng cho việc bán cổ phần trên Internet trong nền kinh tế thế giới kỹ thuật số đang nổi lên đã làm giảm chi phí và tăng khối lượng của các trao đổi xuyên biên giới như thế này.

Điện toán hóa các giao dịch và hợp đồng tài chính xảy ra cùng thời điểm với việc nhà nước giảm các quy định điều tiết về đầu tư và sự di chuyển vốn toàn cầu được chấp nhận. Nhà nước đã giảm thẩm quyền của họ thông qua nới lỏng quyền kiểm soát nền kinh tế ở khía cạnh luật pháp và mở cửa thị trường cho vốn nước ngoài. Kết quả là một sự bùng nổ các giao dịch tài chính quốc tế. Theo **giả thuyết luân chuyển vốn**,¹⁰ dòng tiền tự do hoặc không kiểm soát chuyển qua biên giới đã sản sinh ra toàn cầu hóa tài chính. Tuy nhiên, kết quả của cuộc khủng hoảng kinh tế làm rung chuyển thế giới vào mùa thu năm 2008 đã khiến người ta nghĩ tới việc cần phải điều tiết thị trường tài chính nhiều hơn.

Bởi vì thúc đẩy luân chuyển vốn có nghĩa là thị trường tài chính không còn tập trung nội trong các quốc gia nên hệ thống tài chính toàn cầu hóa không thuộc đối tượng điều chỉnh của bất kỳ một quốc gia nào. Hầu hết các quốc gia đang mất đi khả năng kiểm soát dòng chảy và mức độ tài chính trong nền kinh tế của họ. Toàn cầu hóa tài chính đã mở rộng sức mạnh của thị trường tư nhân và các tập đoàn không còn ràng buộc với bất kỳ một quốc gia nào, do đó làm giảm quyền lực kiểm soát của nhà nước. Khi toàn cầu hóa tài chính được thúc đẩy, sự di chuyển vốn ngày càng tăng đã thách thức giả định truyền thống của chủ nghĩa hiện thực

¹⁰ Capital mobility hypothesis: quan điểm cho rằng dòng chuyển vốn đầu tư của các công ty đa quốc gia đã dẫn đến sự toàn cầu hóa tài chính.

cho rằng các quốc gia là tự trị, là chủ thể đơn nhất có khả năng quản lý các vấn đề kinh tế của quốc gia.

ÁP DỤNG: Thị trường và sự tương thuộc về kinh tế

Anthony Lake từng là cố vấn an ninh quốc gia trong chính quyền Clinton thời kỳ 1993-1996. Ngược lại với thời gian đầu nhiệm kỳ của mình khi các nhà hoạch định chính sách tại các cuộc họp cấp cao thường tư duy theo đường hướng truyền thống lấy nhà nước làm trung tâm thì tại thời điểm rời khỏi vị trí của mình, ông đã nhận thấy rằng các nhà hoạch định chính sách đã hiểu thấu việc toàn cầu hóa đã làm chuyển đổi chính trị thế giới như thế nào. Trong đoạn dưới đây đề cập đến một cuộc khủng hoảng kinh tế ở Brazil trong suốt năm 1998, ông minh họa cách tư duy tại Washington đã thay đổi như thế nào.

Trong cuộc khủng hoảng ... Tôi chạy đến Bộ trưởng Bộ Tài chính Robert Rubin. Khi chúng tôi nói chuyện về ngày xưa, tôi nhớ lại, tại cuộc họp nhân viên cấp cao buổi sáng tại Nhà Trắng, chúng tôi thỉnh thoảng hỏi anh ta đâu là tác động của một sự kiện hay một điều gì đó đến thị trường chứng khoán.

Và anh mỉm cười. . . đang lúc hồi tưởng thì một phụ tá vội vàng đến bên cạnh. Bộ trưởng Rubin chuyển sang anh ta và hỏi với mối quan tâm thực sự: "Thị trường thế nào rồi?" Khi phụ tá trả lời và họ thảo luận ý nghĩa của những tin tức, tôi nhận ra rằng ông đang hỏi không phải về chỉ số Dow Jones mà về thị trường chứng khoán Brazil. Đây là thực tế cuộc sống trong thời đại toàn cầu hóa. Bộ trưởng Rubin... hiểu rằng một nền kinh tế Brazil mạnh sẽ là lợi ích an ninh quốc gia của Mỹ... Một hệ quả rõ ràng là một Brazil yếu kém có thể ảnh hưởng tiêu cực đến người dân Mỹ. Bằng cách nào? Nó có thể hạn chế xuất khẩu của Mỹ, ngăn cản phát triển và làm giảm công ăn việc làm. Là thị trường lớn nhất của Mỹ Latinh chiếm một nửa dân số châu lục, Brazil là động cơ tăng trưởng của khu vực. Nếu nền kinh tế Brazil bắt đầu chìm xuống, nó cũng có thể kéo các nước láng giềng xuống theo. Mỹ sẽ không chỉ mất thị trường xuất khẩu lớn thứ mười một của mình... mà nhu cầu của cả một khu vực vốn mua 20% hàng xuất khẩu của Mỹ sẽ cạn kiệt. Và điều này có thể làm rất nhiều người dân Mỹ mất việc. Một Brazil yếu kém cũng có thể gây hậu quả khốc liệt cho các đơn vị cho vay tư nhân của Mỹ. Ví dụ như cả Citibank và BankBoston, mỗi ngân hàng đã cho Brazil vay hàng tỷ đô la, trong khi các doanh nghiệp Mỹ đã đầu tư thêm hàng tỷ đô la khác. Điều này có thể đe dọa khoảng hai ngàn doanh nghiệp Mỹ đang hoạt động tại Brazil. Sự hoảng loạn ở Brazil có thể tạo ra một sự lây lan toàn cầu mới. . . gây rủi ro suy thoái toàn cầu (Lake 2000, 213 -214).

Theo quan sát của Lake, càng ngày nhiều nhà hoạch định chính sách Mỹ nhận ra rằng toàn cầu hóa đã làm phức tạp khả năng quản lý công việc trong và ngoài nước của Mỹ. Toàn cầu hóa làm được như vậy, theo ý kiến ông là do quyền tự chủ quốc gia và chủ quyền quốc gia đã dần dần bị xói mòn.

Tốc độ lưu chuyển vốn cực kỳ nhanh đã làm cho thị trường quốc gia rất không ổn định và dễ bị đảo chiều đột ngột bởi sự phụ thuộc vào vốn nước ngoài, có thể "tháo chạy" khi có những dấu hiệu đầu tiên của biến cố kinh tế. Đến năm 2008, lưu

chuyển vốn đã đạt đến mức cao trong lịch sử, tăng gấp ba lần kể từ năm 1990 tính theo tỉ lệ trên GDP thế giới. Nhưng khi vốn nước ngoài bắt đầu rút khỏi các nền kinh tế mới nổi của các nước cộng sản trước kia và các quốc gia Nam bán cầu thì thị trường tín dụng toàn cầu sụt giảm, thị trường chứng khoán ở các nước này lao xuống dốc và đồng tiền bị rớt giá.

Đúng như thế, tất cả các nước bị đều dễ bị tổn thương trước sự luân chuyển vốn nhanh chóng trong một thế giới tài chính toàn cầu phụ thuộc lẫn nhau. Nhưng các nền kinh tế mới nổi mới là đối tượng phụ thuộc nhiều nhất và cũng dễ bị tổn thương nhất. Trường hợp này đã cho thấy lý do tại sao các ngân hàng và các nhà kinh tế kêu gọi tạo ra các cơ chế đa phương phối hợp chính sách đáng tin cậy hơn để quản lý các dòng lưu chuyển vốn khổng lồ xuyên biên giới.

Những thách thức của một thế giới không biên giới

Như vậy đến nay chúng ta đã thấy những tiến bộ công nghệ trong giao thông vận tải và thông tin liên lạc vài thập niên qua đã thúc đẩy một loạt những thay đổi sâu rộng về kinh tế như thế nào. Sự bùng nổ của thương mại xuyên biên giới và các dòng tài chính toàn cầu đã đặt ra câu hỏi là liệu suy nghĩ về quốc gia – dân tộc như là cơ sở tổ chức các hoạt động kinh tế có còn ý nghĩa nữa hay không. Khi toàn cầu hóa sau đó sẽ làm xóa bỏ biên giới quốc gia, câu hỏi tiếp theo là liệu rằng quốc gia - dân tộc có phải là đơn vị giải quyết vấn đề hiệu quả nhất cho những thách thức mà nhân loại phải đối mặt hay không. Ba điều quan trọng nhất liên quan đến tác động của toàn cầu hóa là môi trường, y tế và di cư. Trong mỗi trường hợp, các vấn đề trong khu vực này của thế giới gây hậu quả cho người dân sống ở nơi khác.

Chính trị về môi trường toàn cầu

Kể từ sự nổi lên của các quốc gia - dân tộc, các nhà lãnh đạo chính trị đã tuyên bố quyền chủ quyền đối với lãnh thổ của họ, xem việc sử dụng đất, nước và không phận như là các vấn đề trong nước. Mặc dù một số vấn đề môi trường là hoàn toàn mang tính địa phương và có thể được giải quyết đơn phương nhưng nhiều vấn đề lại vượt qua biên giới quốc gia và cần hành động đa phương. Ví dụ như khí thải oxit sunfua từ các ngành công nghiệp ở một quốc gia này có thể rơi xuống thành mưa axit ở quốc gia láng giềng. Khí thải nhà kính (carbondioxide, chloro fluoro carbons, methane và nitrous oxide) từ nhiều nước kết hợp lại gây hiện tượng ấm lên toàn cầu có thể làm thay đổi đột ngột các hình mẫu thời tiết và làm cho các vùng đất thấp ven biển ở bất kỳ nơi nào trên trái đất bị đe dọa bởi mực nước biển tăng. Thế

giới chính trị có thể là một bàn cờ của các quốc gia chủ quyền, nhưng thế giới tự nhiên là một mạng liên mạch. Thiệt hại đến hệ sinh thái thường vượt thẩm quyền pháp lý quốc gia. Tuy nhiên, chúng ta sẽ thấy trong Chương 14 nhiều quốc gia vẫn không muốn từ bỏ hoặc chia sẻ chủ quyền để thành lập các tổ chức toàn cầu mới có thể đưa ra một biện pháp hiệu quả hơn cho các vấn đề môi trường toàn cầu.

Y tế toàn cầu

Loài người đã luôn tồn tại một cách không dễ dàng cùng các mối đe dọa của bệnh truyền nhiễm. Gia tăng dân số ở Nam bán cầu đã khiến nhiều người phải di chuyển đến các khu vực không có người ở trước đó, dẫn đến nguồn bệnh mới. Hơn nữa, khả năng di chuyển từ lục địa này đến lục địa khác làm cho việc ngăn chặn các cuộc bùng phát bệnh dịch lây lan ra các vùng trở nên khó khăn. Ví dụ như việc hàng triệu du khách các hãng hàng không ở cùng một buồng kín với những hành khách bị nhiễm bệnh có khả năng gây tử vong. Như đợt bùng phát Hội chứng Hô hấp cấp tính nặng (SARS) năm 2003 cho thấy, dân cư thế giới di chuyển đã làm lây lan dịch bệnh qua biên giới nhanh chóng, thường xuyên và khó kiểm soát. SARS được phát hiện đầu tiên ở Hồng Kông, Trung Quốc vào đầu năm 2003 nhưng đã sớm lây lan qua các du khách hàng không đến Toronto, Canada - nơi bốn mươi người sau đó đã chết vì căn bệnh này. Kết quả của nỗi lo sợ đại dịch SARS là World Cup bóng đá nữ đã không được tổ chức tại Trung Quốc, hãng hàng không Canada mất khoảng 400 triệu đô Canada trong quý II năm 2003 và sản lượng kinh tế Hồng Kông quý II giảm 3,7% (Kelleher và Klein năm 2006, 142).

Đại dịch AIDS (Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải) là ví dụ điển hình cho sự lây lan dịch bệnh trong một thế giới thu hẹp. Đây là vấn đề toàn cầu với số lượng người nhiễm HIV - virus gây bệnh AIDS - tăng đến khoảng 70 triệu người vào năm 2008. AIDS tấn công dữ dội nhất vùng Nam bán cầu nghèo đói trong lực lượng lao động trẻ - là nền tảng của lực lượng lao động - làm suy giảm tăng trưởng kinh tế ở khắp mọi nơi trên hành tinh. Thiệt hại về người liên quan đến bệnh AIDS nghiêm trọng nhất tại châu Phi hạ Sahara, nơi chiếm ba phần tư số người nhiễm HIV trên thế giới và đang là nguyên nhân tử vong hàng đầu gây giảm tuổi thọ gần một nửa. Tuy nhiên, virus này không chỉ giới hạn ở bất kỳ một khu vực nào, nó đi theo cùng với hơn 2 triệu người di chuyển khắp thế giới mỗi ngày.

Bổ sung thêm vào thách thức ngăn ngừa dịch bệnh truyền nhiễm do toàn cầu hóa nổi lên là một vấn đề khác: hậu quả của việc kháng sinh không được tận dụng ở các nước đang phát triển và lạm dụng ở các nước phát triển là virus đang phát triển những chủng loại mạnh đến nỗi có thể kháng lại các thuốc kháng sinh

tiêu chuẩn. Tổ chức Y tế Thế giới báo cáo rằng gần như tất cả các dịch bệnh truyền nhiễm đang trở nên đề kháng với các loại thuốc hiện có. Và con người không phải là nạn nhân duy nhất, như dịch lở mồm long móng tràn qua châu Âu giết chết gia súc năm 2001 đã cho thấy rõ. Khi các nhà lãnh đạo quốc gia cố gắng trong vô vọng để cách ly vùng đất của họ khỏi một loại virus lây lan với tốc độ đáng sợ, nhiều người lưu ý rằng những dịch bệnh như thế ở Liên minh Châu Âu đang ngày càng khó kiểm soát hơn bởi vì biên giới giữa các quốc gia đã từng có trước kia nhưng nay biến mất và cũng đã nhiều năm trôi qua kể từ khi mọi người cần hộ chiếu đi du lịch giữa hầu hết các nước châu Âu.

Một sản phẩm đi kèm không hoan nghênh khác của toàn cầu hóa là sự lây lan của các loài động vật, thực vật và côn trùng ngoại lai khắp toàn cầu đang gây phá hủy sinh thái lớn. Như Liên minh Bảo tồn Thế giới (một tổ chức phi chính phủ bao gồm hơn bảy mươi tám quốc gia và hơn 10.000 nhà khoa học) cảnh báo, các loài ngoại lai qua biên giới các quốc gia trên máy bay, tàu hoặc phương tiện vận chuyển đang gây tổn hại không thể khắc phục được cho hàng ngàn loài bản địa, và trong quá trình này gây ảnh hưởng cực kỳ lớn với môi trường và sức khỏe cộng đồng trên trái đất. Tháng 5/2001, Liên minh đã sử dụng ngày Đa dạng Sinh học Thế giới để nâng cao nhận thức về mối đe dọa bởi cuộc xâm chiếm này, vốn được xem là "một trong những vấn đề gây hao tổn nhất và ít được biết đến nhất của toàn cầu hóa", và tuyên bố "Nếu đây là một cuộc xâm chiếm trong không gian, các chính phủ sẽ được cảnh báo. Nhưng đây không phải là các loài ngoài hành tinh. Chúng là động vật, thực vật và côn trùng thông thường thoát khỏi môi trường bình thường của chúng và tiến hành tàn phá ở một môi trường khác" (James 2001).

Di cư toàn cầu

Phong trào di dân đã đạt con số chưa từng có. Kể từ 1998 trung bình mỗi năm có hơn 12 triệu người đủ điều kiện và được nhận hỗ trợ dành cho người tị nạn. Biên giới giữa quốc gia ngày càng mỏng manh, kết hợp với sự tiện lợi của giao thông hiện đại đã làm cho hàng dòng người có thể rời quê hương của họ đến các nước khác. Di cư đã trở thành lệ thường trong thời đại toàn cầu, gây ra một loạt các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội. Ý nghĩa của quyền công dân, cơ cấu của lực lượng lao động, và sự bảo vệ quyền lợi thiểu số chỉ là một vài trong số các vấn đề mà lượng lớn người di cư gây ra cho nước sở tại. Đặc biệt, điều gây phiền hà là sự mâu thuẫn về đạo đức giữa các nền dân chủ tự do vốn vừa muốn bảo vệ quyền cơ bản của người tị nạn đi di cư vừa muốn kiểm soát biên giới tuyệt đối theo quyền của các quốc gia có chủ quyền.



Toàn cầu hoá và nỗi sợ hãi đại dịch

Ngoài việc luân chuyển hàng hóa và vốn khắp thế giới, toàn cầu hóa đã làm tăng nguy cơ các bệnh truyền nhiễm lây lan xa và rộng hơn. Ví dụ ở đây là những người đi làm hàng ngày tại Đài Bắc được báo động về một đại dịch cúm.

Gây lo ngại nhiều hơn là ước tính mỗi năm có 800.000 đến 900.000 người là nạn nhân của di cư cưỡng bức bao gồm các nạn nhân của nạn "thanh trừng sắc tộc" cũng như buôn người làm nô lệ. Liên Hiệp Quốc ước tính 80% nô lệ ngày nay là phụ nữ với khoảng một nửa là dưới mười tám tuổi. Giá trị hoạt động phạm pháp này lên đến từ 12 đến 17 tỷ đô la hàng năm, được xếp là hoạt động kinh doanh bất hợp pháp lớn thứ ba toàn cầu sau buôn bán ma túy và vũ khí (Obduah năm 2006, 241).

Chính phủ các quốc gia đang mất quyền kiểm soát trong việc điều tiết dòng người nước ngoài di chuyển qua biên giới. Từ những nỗ lực của Mỹ kiểm soát vùng Nam biên giới của Hoa Kỳ đến nỗ lực của châu Âu ngăn chặn người nhập cư từ châu Phi băng qua biển Địa Trung Hải trên những con tàu tự chế, các nước Bắc bán cầu đã vật lộn với câu hỏi làm thế nào để đối phó với những người vượt biên chạy trốn khỏi sự phân biệt đối xử và đàn áp, hoặc để tìm công việc giúp họ hỗ trợ gia đình ở quê hương. Mỗi ngày, những người di cư hợp pháp và bất hợp pháp sống ở Bắc bán cầu cùng nhau gửi "kiều hối" (tiền họ kiếm được khi làm việc ở nước ngoài) về cho các gia đình của họ. Theo tính toán, tổng lượng kiều hối lên tới 318 tỷ đô la trong năm 2007 - tăng hơn gấp đôi số tiền viện trợ nước ngoài cho Nam bán cầu (*Economist*, ngày 15/12/2007, 106). Vì vậy, di chuyển người khắp thế giới qua biên giới quốc gia - cũng như nhiều khía cạnh khác của toàn cầu hóa - không

thể tách biệt với các yếu tố khác; di cư toàn cầu liên quan mật thiết đến các vấn đề kinh tế cũng như nhân quyền toàn cầu.

Những vấn đề di cư, y tế và môi trường này đại diện cho những thách thức mà toàn cầu hóa gây ra. Việc các quốc gia dân tộc sẽ có thể đối phó được với các vấn đề này hay không vẫn không chắc chắn. Toàn cầu hóa đang làm xói mòn chủ quyền quốc gia, nhưng chưa chắc sẽ tạo ra một cộng đồng toàn cầu duy nhất.

Quản trị toàn cầu hay là bước thụt lùi?

Toàn cầu hóa – được dẫn dắt bởi các cuộc cách mạng công nghệ trong phạm vi rộng lớn - vẫn sẽ tiếp diễn. Các nhà phân tích có quan điểm khác nhau về hệ quả của nó, một phần tùy thuộc vào quan điểm chính trị thể hiện thế giới quan của họ. Một số nhà phân tích tập trung vào lợi ích kinh tế của toàn cầu hóa, một số khác dựa trên sự bất bình đẳng và viễn cảnh không màng đến lợi ích số đông. Một số tập trung vào thách thức mà toàn cầu hóa gây ra cho hệ thống quốc tế được thành lập dựa trên nhà nước có chủ quyền lãnh thổ, một số khác nữa hy vọng sự hợp tác giữa khu vực nhà nước và phi nhà nước sẽ mở ra một kỷ nguyên mới của quản trị toàn cầu (xem Tranh luận: Liệu Toàn cầu hóa có nghĩa là sự kết thúc của kỷ nguyên quốc gia – dân tộc không?). Chúng ta có thể thấy những tranh cãi sôi nổi về mặt tốt và mặt xấu, lợi ích và chi phí của toàn cầu hóa khi tài chính, dân cư, thương mại, lao động và văn hóa tiếp tục hội nhập trên toàn cầu. Khi các cuộc cách mạng thông tin liên lạc và giao thông vận tải đã vượt qua nhiều rào cản vật lý chia cách dân cư thế giới, một số quốc gia đã thành công và một số khác đã ở lại đằng sau. Ngôi làng toàn cầu không có vẻ là một ngôi nhà mến khách cho tất cả mọi người và những người thua cuộc đang dâng trào một sự phản ứng dữ dội.

Câu hỏi chính được đưa ra trong chương này liên quan đến vai trò của quốc gia – dân tộc trong tương lai toàn cầu. Một thế giới với biên giới vô hình đã thách thức tất cả các quốc gia lãnh thổ, giàu cũng như nghèo. Toàn cầu hóa làm suy giảm khả năng quốc gia thực hiện quyền lực chính trị trên lãnh thổ nơi mà các chủ thể khu vực tư nhân hoạt động. Mặc dù một số nhà phân tích tin rằng sự mất quyền kiểm soát này có thể có nghĩa là quốc gia - dân tộc với vai trò là chủ thể có chủ quyền trên sân khấu thế giới sẽ chỉ còn là dĩ vãng thì hầu hết đồng ý rằng quốc gia – dân tộc sẽ không biến mất. Dù cho sự xói mòn chủ quyền đang xảy ra, các quốc gia lãnh thổ vẫn khẳng định vai trò chính yếu của mình về an ninh và bản sắc văn hóa trong cuộc sống người dân. Tuy nhiên, các nhà nước sẽ thấy mình ngày càng chia sẻ sân khấu thế giới với các thành phần quyền lực phi nhà nước. Như đã thảo luận trong Chương 6, chúng ta đang di chuyển từ một thế giới thống trị bởi

một chủ thể duy nhất đến một thế giới của nhiều loại chủ thể có tính chất khác nhau.

TRANH LUẬN: Liệu toàn cầu hóa có nghĩa là sự kết thúc của kỷ nguyên quốc gia – dân tộc không?

Liệu toàn cầu hóa có phải là một quá trình chưa có tiền lệ và không thể ngăn cản được, và đang định hướng sự chuyển đổi mang tính kỷ nguyên của nền chính trị thế giới hay không? Toàn cầu hóa có nghĩa gì đối với sự sống còn của các quốc gia - dân tộc? Với một số nhà tư tưởng, toàn cầu hóa là lời nguyện cho sự kết thúc của chủ quyền quốc gia – yếu tố tổ chức căn bản của thế giới. Theo cách giải thích này về tương lai toàn cầu, các quốc gia đang bị "choáng ngợp bởi toàn cầu hóa và đã mất quyền kiểm soát nền kinh tế của họ" (Boli, Elliot và Bier 2004). Các nhà tư tưởng khác vẫn còn hoài nghi. Họ không chỉ đặt câu hỏi liệu toàn cầu hóa chưa từng có trong lịch sử hay không, mà họ còn do dự về thuật ngữ mô tả chính xác mô hình tương tác kinh tế quốc tế hiện tại. Họ nhìn thấy một sự hồi sinh ý tưởng về sức mạnh quốc gia (Saul 2004).

Với những người thuộc chủ nghĩa hoài nghi, toàn cầu hóa là một từ mới cho một quá trình cũ. Mặc dù nền kinh tế thế giới đương đại khác theo nhiều cách so với nền kinh tế cuối thế kỷ XIX đầu XX, mức độ hội nhập thương mại hiện tại là tương tự như những gì đã xảy ra vào thời gian trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Bên cạnh việc không phải là một hiện tượng mới lạ, những người hoài nghi bổ sung rằng toàn cầu hóa ngày nay không quan trọng bằng khu vực hóa (regionalization). Mức độ hội nhập thương mại nội trong các khu vực địa lý trên thế giới vượt số lượng hội nhập giữa các khu vực, mặc dù các nền kinh tế khu vực ở Bắc Mỹ, châu Âu và Đông Á đang trở nên liên kết với nhau hơn. Trái với lập luận cho rằng toàn cầu hóa kinh tế đang làm giảm dần ảnh hưởng của quốc gia - dân tộc, các quốc gia hùng mạnh nhất đã trở thành "xương sống" của thương mại thế giới: Hơn ba phần tư tổng sản lượng được trao đổi thương mại bên trong biên giới quốc gia, hầu hết các tập đoàn là công ty quốc gia có tài sản và quyền sở hữu nằm trong quốc gia dân tộc của họ, và nhà nước đang nắm giữ một phần ngày càng lớn GDP toàn cầu (Malesevic 2008, 98).

Các nhà chủ trương toàn cầu hóa thừa nhận rằng một thế giới toàn cầu hóa đồng nhất (Barber 1995) sẽ không tồn tại, nhưng họ cho rằng những tiến bộ phi thường trong công nghệ viễn thông và giao thông vận tải đã giải phóng các lực lượng toàn cầu hóa và làm xói mòn sức mạnh của quốc gia dân tộc. Bạn có đồng ý không? Liệu toàn cầu hóa có làm suy yếu hệ thống nhà nước kiểu Westphalia hay không? Liệu chủ quyền quốc gia có chắc chắn sẽ được thay thế bằng một số nguyên tắc tổ chức mới hay không? Nếu vậy, những nguyên tắc nào sẽ định hướng nền chính trị thế giới trong trật tự thế giới hậu Westphalia?

Điều này có ý nghĩa gì cho nhân loại để giải quyết những thách thức về môi trường, y tế và những vấn đề khác do toàn cầu hóa gây ra? Các hệ thống quốc tế phát triển sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai thúc đẩy quản trị toàn cầu về các vấn đề thương mại và tiền tệ như trên cũng có thể hiệu quả trong việc đối phó với những cuộc khủng hoảng xuyên biên giới. Tất cả mọi người bây giờ được kết nối chặt chẽ với nhau hơn bao giờ hết, nhưng các cấu trúc hợp tác và phối hợp đa phương vẫn

còn nhiều biến động. Vì các vấn đề nan giải tiếp tục xuyên qua biên giới mong manh của thế giới nên nhiều học giả cho rằng đã đến lúc suy nghĩ nghiêm túc về việc chia sẻ chủ quyền. "Việc đồng ý chia sẻ chủ quyền của một quốc gia thực sự là khó", Peter Sutherland – cựu tổng giám đốc của Tổ chức Thương mại Thế giới – cảm báo, theo đó "một sự chia sẻ thể chế thực sự, hay một sự hợp nhất chủ quyền là vấn đề mang tính cấu trúc mà ngày nay vẫn chưa được giải quyết."

Liệu các chủ thể nhà nước và phi nhà nước có thể tìm thấy một điểm hội tụ hoặc một chuẩn mực mà dựa vào đó hợp tác đa phương có thể phát triển hay không? Các nhà lý thuyết tự do nhấn mạnh lợi ích chung thì lạc quan. Những người theo chủ nghĩa hiện thực quan tâm nhiều hơn đến lợi ích tương đối thì vẫn còn bi quan. Những người theo chủ nghĩa kiến tạo quả quyết rằng toàn cầu hóa sẽ là những gì mà các chủ thể nhà nước và phi nhà nước tạo dựng nên. Bất kể là ai đúng, đổi mới công nghệ vẫn tiếp tục tạo thuận lợi cho dòng chảy thương mại và tài chính trên khắp các quốc gia, tạo ra những khu vực dễ bị tác động chung và làm xóa mờ sự khác biệt giữa chính sách kinh tế trong và ngoài nước. Toàn cầu hóa đưa ra cơ hội như cũng như rủi ro và một số người đang có vị trí tốt hơn so với những người khác trong việc tận dụng các lợi ích tiềm năng của nó. Hơn nữa, như ví dụ đã nêu về mất việc làm do thuê ngoài nước ngoài cho thấy, toàn cầu hóa có thể là một quá trình gây tàn phá.

Chương này bắt đầu bằng câu hỏi liệu rằng toàn cầu hóa sẽ tạo ra một ngôi làng toàn cầu (global village)– một nơi không có xung đột và với mục đích duy nhất là cải thiện phúc lợi của tất cả mọi người – hay không. Nhưng cướp bóc toàn cầu (global pillage) là một sự mô tả khác về những gì có thể xảy ra. Thay vì thịnh vượng cho toàn thế giới được tạo ra từ di chuyển tự do hàng hóa, dịch vụ và vốn qua biên giới quốc gia, liệu toàn cầu hóa có làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng kinh tế hiện hữu? Chương tiếp theo sẽ tìm câu trả lời cho câu hỏi này.

Tóm tắt chương

- Toàn cầu hóa là một tập hợp các quá trình đang tạo dựng tính liên kết trên toàn thế giới. Bởi vì nó không đồng đều - lợi ích cho một số người, bất lợi cho những người khác - toàn cầu hóa có nguy cơ nới rộng khoảng cách giữa các quốc gia giàu và nghèo trên thế giới.
- Tiến bộ gần đây trong công nghệ viễn thông là lực đẩy chính đằng sau toàn cầu hóa. Những công nghệ này đang thay đổi quan niệm của chúng ta về thời gian và không gian. Với sự xuất hiện của nền kinh tế số hóa toàn cầu,

ranh giới giữa các giao dịch trong nước và quốc tế đang trở nên mờ nhạt hơn.

- Công nghệ định hình lại mô hình sản xuất, thương mại và tài chính. Thị trường không còn tương ứng với biên giới quốc gia. Hàng hóa và dịch vụ không phải được sản xuất bởi và cho những người sống trong một lãnh thổ cụ thể nào mà chúng đang ngày càng được sản xuất bởi những người thuộc các quốc gia khác nhau đang hướng tới thị trường thế giới. Tương tự như vậy, hệ thống trật tự tài chính đang xuất hiện không tập trung vào một nhà nước duy nhất. Kết quả là dòng chảy kinh tế quốc tế không phụ thuộc vào sự điều chỉnh bởi bất cứ một quốc gia riêng lẻ nào.
- Toàn cầu hóa đã thu hẹp khoảng cách địa lý và liên kết con người với nhau theo những cách vốn tạo ra những thách thức mới về môi trường, y tế và các vấn đề khác liên quan bất kể biên giới lãnh thổ. Do tính chất xuyên quốc gia, nhiều vấn đề trong số này không thể giải quyết đơn phương. Tuy nhiên, các quốc gia thường do dự từ bỏ hoặc chia sẻ chủ quyền của họ để tăng cường thể chế toàn cầu giúp giải quyết tốt hơn các cuộc khủng hoảng xuyên biên giới.
- Toàn cầu hóa có vẻ là một quá trình không thể đoán trước và không dễ dàng chấp nhận những hệ quả của nó. Dù toàn cầu hóa là đáng mong muốn hoặc đáng thất vọng thì quyền lực nhà nước vẫn liên quan đến định hình tương lai toàn cầu. Tuy nhiên, nhà nước lãnh thổ có chủ quyền sẽ không là nhân vật quan trọng duy nhất trên sân khấu thế giới. Những gì quá trình toàn cầu hóa đã thực hiện trong những năm gần đây là để phân mảnh chủ quyền, tạo ra nhiều lớp quyền lực xen kẽ làm mờ đi sự khác biệt giữa các thực thể ngoài nước và trong nước, giữa công và tư.

Bài đọc gợi ý

Chanda, Nayan. *Bound Together: How Traders, Preachers, Adventurers and Warriors Shaped Globalization*. New Haven: Yale University Press, 2007.

Friedman, Thomas L. *The World Is Flat: A Brief History of the Twenty-first Century*. New York: Farrar, Straus, and Giroux, 2005.

Martin, Lisa, ed. *Global Governance*. Burlington, VT: Ashgate, 2008.

Sachs, Jeffrey. *Common Wealth: Economics for a Crowded Planet*. New York: Penguin, 2008.

Scholte, Jan Aart. *Globalization: A Critical Introduction*, 2nd ed. London: Palgrave, 2005.

Câu hỏi tư duy phê phán

Khi tốc độ toàn cầu hóa kinh tế tăng lên, vấn đề đạo đức của việc đào sâu các mối quan hệ thị trường xuyên biên giới trở thành đề tài thảo luận sôi nổi. Triết gia Peter Singer (2004) nhìn thấy lợi ích to lớn của sự rút lui học thuyết chủ quyền quốc gia nhấn mạnh đến việc xây dựng chính sách để thúc đẩy lợi ích quốc gia hẹp hòi. Theo ông lập luận, sự tương tác phụ thuộc lẫn nhau trên toàn cầu khuyến khích hành động theo nhận thức đạo đức chỉ có "một loài người" và "một nền kinh tế". Trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau, các vấn đề của người khác sẽ sớm trở thành của chúng ta; do đó lòng vị tha và sự quan tâm đến người khác sẽ đem lại kết quả tốt dưới hình thức toàn cầu hóa. Nhà kinh tế học Jagdish Bhagwati (2004) lập luận rằng mối quan tâm này nên được mở rộng để cho phép mọi người di chuyển tự do, giống như trong toàn cầu hóa di chuyển vốn giữa các quốc gia để tìm kiếm lợi nhuận cao hơn. Khi những hạn chế về di cư nâng cao, sự khác biệt lớn trong mức lương cho các công việc tương tự giữa quốc gia sẽ vẫn tồn tại. Nhà báo tài chính Martin Wolf (2004) không đồng ý điều này. Trong khi lên án những hạn chế về lưu chuyển vốn, ông vẫn chấp nhận hạn chế về di chuyển lao động, ngay cả khi chúng duy trì sự khác biệt tiền lương. Theo ý kiến ông, chính phủ chịu trách nhiệm cho phúc lợi của công dân mình, họ có thể hạn chế nhập cư một cách hợp lý khi đó là lợi ích quốc gia.

Bạn nghĩ gì? Liệu toàn cầu hóa có khuyến khích một cái nhìn luân lý nhằm thúc đẩy định nghĩa về trách nhiệm đạo đức trên toàn thế giới? Nếu vậy, liệu những trách nhiệm này sẽ bao gồm tự do hoá chính sách nhập cư để thúc đẩy sự hội tụ của các mức lương khác nhau giữa các quốc gia? Hay trách nhiệm của các nhà lãnh đạo quốc gia sẽ được gắn với lợi ích của quốc gia mà họ cai trị, bất chấp tác động các chính sách của họ lên mức sống ở nơi khác?

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế. Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
